

Số: 234/QĐ-ĐHNL

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức chỉ tiêu năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ luật viên chức số 58/2010/QH12;

Căn cứ nghị định số 29/2012 ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đề bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ quyết định số 1292/QĐ-ĐHNL ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Giám đốc Đại học Huế về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế và Đề án vị trí việc làm Trường Đại học Nông Lâm giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ quyết định số 1389/QĐ – ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường Đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ quyết định số 1974/ QĐ – ĐHH ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế nhiệm kỳ 2014 - 2019;

Căn Quyết định số 527/QĐ – ĐHNL ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm về việc ban hành quy định về điều kiện, tiêu chí và quy trình tuyển dụng viên chức năm 2014.

Căn cứ biên bản họp ngày ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Thường trực Hội đồng tuyển dụng viên chức chỉ tiêu năm 2015 về việc họp thông qua kết quả tuyển dụng viên chức;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức chỉ tiêu năm 2015 Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế và tuyển dụng 12 người trúng tuyển viên chức Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế, kể từ ngày 01/4/2016 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm Hướng dẫn các ứng viên trúng tuyển thực hiện việc tập sự viên chức theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, TC – HC.



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CHỈ TIÊU NĂM 2015

Kèm theo quyết định số 254/QĐ-ĐHNH ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm

TT	Họ	Tên	Ngày tháng năm sinh	Ngạch viên chức được tuyển dụng	Đơn vị	Ghi chú
1	Đỗ Thị Thu	Ái	09/03/1993	Giảng viên	Khoa Lâm nghiệp	
2	Nguyễn Thị	Giang	04/05/1990	Giảng viên	Khoa Nông học	Thạc sỹ
3	Hồ Nhật	Linh	15/12/1991	Giảng viên	Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp	
4	Phùng Lan	Ngọc	24/10/1993	Giảng viên	Khoa Nông học	
5	Nguyễn Thị Xuân	Phương	16/07/1990	Chuyên viên	Trung tâm Thông tin - Thư viện	
6	Lê Đức	Tuân	19/09/1989	Chuyên viên	Viện Nghiên cứu Phát triển	
7	Trần Thị Ánh	Tuyết	09/07/1993	Nghiên cứu viên	Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp	
8	Nguyễn Thị	Thanh	15/11/1988	Giảng viên	Khoa Cơ khí - Công nghệ	Thạc sỹ
9	Lê Hữu Ngọc	Thanh	01/09/1992	Giảng viên	Khoa Tài nguyên đất và Môi trường nông nghiệp	
10	Nguyễn Văn	Thành	16/01/1983	Giảng viên	Khoa Khuyến nông và Phát triển nông thôn	Thạc sỹ
11	Trần Nguyên	Thảo	25/11/1988	Giảng viên	Khoa Cơ bản	Thạc sỹ
12	Nguyễn Như Bảo	Việt	18/11/1992	Nghiên cứu viên	Khoa Cơ khí - Công nghệ	

28

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CHỈ TIÊU NĂM 2015



ĐẠI HỌC HUẾ
KHOA NÔNG LÂM
Quyết định số 234 /QĐ-DHNL ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm

TT	Họ Tên	Ngày tháng năm sinh	Ngạch dự tuyển	TNBH ngành	TNBH loại	ĐTBCHT		Điểm kiểm tra tin học	Điểm phỏng vấn trực tiếp	Kết quả điểm vòng 1	Kết quả điểm vòng 2	Điểm ưu tiên	Kết
						Theo niên chế	Theo tín chỉ						

KHOA CƠ BẢN

1. BM Sinh học

1	Trần Nguyễn Thảo	25/11/1988	GV	Công nghệ sinh học	Giỏi	8,52				86,40	82,00	10,00	9
2	Đoàn Thị Ngọc Anh	01/04/1989	GV	Su phạm Sinh học	Giỏi	8,03				84,00	79,29	10,00	8
3	Thân Trọng Bảo Khánh	10/10/1992	GV	Sinh học	Giỏi	7,90	3,22			82,60	89,00		7

KHOA CƠ KHÍ - CÔNG NGHỆ

1. BM Kỹ thuật điều khiển - Tự động hóa

1	Nguyễn Như Bảo Việt	18/11/1992	NVC	Điện tử viễn thông	Khá	7,66	3,01			92,20	87,71		8
2	Lại Phước Sơn	19/7/1988	NVC	Su phạm kỹ thuật điện tử - Tin học	Khá	7,68	3,01			71,40	67,43		7

2. BM Kỹ thuật công trình

1	Nguyễn Thị Thanh	15/11/1988	GV	Công nghiệp và Công trình nông thôn	Giỏi	8,05				86,40	87,71		8
---	------------------	------------	----	-------------------------------------	------	------	--	--	--	-------	-------	--	---

KHOA LÂM NGHIỆP

1	Đỗ Thị Thu Ái	09/03/1993	GV	Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Giỏi	8,53	3,50			71,3	89,29		8
---	---------------	------------	----	---------------------------------------	------	------	------	--	--	------	-------	--	---

KHOA NÔNG HỌC

1. BM Bảo vệ thực vật

1	Nguyễn Thị Giang	04/05/1990	GV	Bảo vệ thực vật	Xuất sắc	8,83	3,67			93,50	90,29	10,00	10
---	------------------	------------	----	-----------------	----------	------	------	--	--	-------	-------	-------	----

2. BM Sinh lý - Sinh hóa thực vật

1	Phùng Lan Ngọc	24/10/1993	GV	Khoa học cây trồng	Xuất sắc	8,66	3,61			74,60	88,86	10,00	9
---	----------------	------------	----	--------------------	----------	------	------	--	--	-------	-------	-------	---

KHOA TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

1	Trần Thị Ánh Tuyết	09/07/1993	NVC	Quản lý đất đai	Giỏi	8,06	3,24			85,80	88,71		8
2	Hồ Nhật Linh	15/12/1991	GV	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	Khá	7,29	2,70			91,20	88,71		8
3	Lê Hữu Ngọc Thanh	01/09/1992	GV	Quản lý đất đai	Giỏi	8,16	3,23			76,00	83,00		8

KHOA KHUYẾN NÔNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1	Nguyễn Văn Thành	16/01/1983	GV	Khuyến nông và Phát triển nông thôn	Khá	7,14				82,00	91,14	10,00	9
---	------------------	------------	----	-------------------------------------	-----	------	--	--	--	-------	-------	-------	---

TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN

1	Nguyễn Thị Xuân Phương	16/07/1990	CV	Công nghệ thông tin	TB khá	6,99		79,00	90,25	84,63	86,86		8
---	------------------------	------------	----	---------------------	--------	------	--	-------	-------	-------	-------	--	---

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

1	Lê Đức Tuấn	19/09/1989	CV	Kinh tế nông nghiệp	TB		2,14	87,00	90,00	88,50	87,14		7
---	-------------	------------	----	---------------------	----	--	------	-------	-------	-------	-------	--	---